

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức, bộ máy và quản lý, sử dụng
Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Điều 17 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 259/TTr-SNN ngày 16 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức, bộ máy và quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2022 và thay thế Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bình Dương.



Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 11

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NN và PTNT;
- BCĐ Quốc gia về PCTT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Chi cục PCCT miền Nam;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh, các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, TC;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- CSDLQG về PL (Sở Tư pháp);
- Như Điều 3;
- TV Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chi cục Thủy lợi;
- Công báo, Website tỉnh;
- LĐVP (Dg, Th), Thi, TH, HCTC;
- Lưu: VT 15

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Minh

QUY CHẾ

Tổ chức, bộ máy và quản lý, sử dụng

Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bình Dương

*(Kèm theo Quyết định số 15 /2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức, bộ máy và quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Tên gọi, địa vị pháp lý của Quỹ

1. Tên gọi: Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bình Dương (sau đây gọi tắt là Quỹ).

a) Tên giao dịch quốc tế: BinhDuong Province Disaster Management Fund.

b) Tên giao dịch quốc tế viết tắt là BDDMF.

2. Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bình Dương là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

4. Quỹ phòng, chống thiên tai hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 4. Nhiệm vụ của Quỹ

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ, phòng chống thiên tai.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Việc quản lý và sử dụng Quỹ phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích, kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và hiệu quả.

2. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

3. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 6. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Nhằm chia sẻ rủi ro cùng người dân, cơ quan, tổ chức khi bị thiệt hại do thiên tai; đồng thời, khuyến khích và tạo điều kiện để tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài tự nguyện giúp đỡ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Việc hỗ trợ phải thực hiện kịp thời, trực tiếp bằng tiền hoặc hiện vật.

Chương II

TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH QUỸ

Điều 7. Tổ chức bộ máy của Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, bao gồm: Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Cơ quan quản lý Quỹ.

2. Cơ quan quản lý Quỹ đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan thường trực phòng, chống thiên tai); sử dụng bộ máy của Cơ quan thường trực phòng, chống thiên tai theo hình thức biệt phái hoặc kiêm nhiệm tham gia Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Cơ quan quản lý Quỹ. Cơ quan quản lý Quỹ có Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc. Giám đốc Quỹ được ký hợp đồng theo quy định của pháp luật đối với một số công việc phục vụ hoạt động của Quỹ, chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức công tác thu, nộp quỹ theo quy định.

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ gồm có: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và các thành viên:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách công tác phòng, chống thiên tai;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) 01 Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ là Lãnh đạo Sở Tài chính;

d) Thư ký Hội đồng quản lý Quỹ là Lãnh đạo phòng chuyên môn quản lý lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

đ) Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm;

e) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 năm; thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bổ nhiệm lại theo quy định.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ quản lý Quỹ, tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả;

b) Chỉ đạo công tác thu, chi, quyết toán, báo cáo công khai Quỹ;

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định phân cấp, điều chỉnh phân cấp giữa Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ trong việc quyết định hỗ trợ vốn;

d) Thông qua kế hoạch tài chính và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ;

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ;

e) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký nhận vốn và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ;

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định; ban hành quy chế hoạt động Quỹ.

c) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

đ) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Ủy viên:

a) Trưởng ban là Trưởng phòng chuyên môn của Sở Tài chính.

b) Phó Trưởng ban là Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Ủy viên là Lãnh đạo phòng chuyên môn của Kho bạc nhà nước tỉnh.

d) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát Quỹ không quá 05 năm. Thành viên Ban kiểm soát Quỹ có thể được bổ nhiệm lại theo quy định.

2. Ban kiểm soát Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ:

a) Ban kiểm soát Quỹ có nhiệm vụ giám sát mọi hoạt động của Quỹ;

b) Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo Quy chế do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt;

c) Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ, trong trường hợp cần thiết báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, vi phạm Quy chế hoặc vi phạm trong việc quản lý Quỹ.

d) Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận;

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ khi bỏ qua những hành vi vi phạm đã phát hiện; tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ hoặc cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Cơ quan quản lý Quỹ

1. Cơ quan quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, gồm có: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, Kế toán và bộ phận nghiệp vụ. Cơ quan quản lý Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định.

a) Giám đốc Quỹ là Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phụ trách công tác phòng, chống thiên tai.

b) Phó Giám đốc Quỹ là Lãnh đạo Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

c) Kế toán Quỹ là Kế toán trưởng hoặc phụ trách Kế toán của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiêm nhiệm. Kế toán Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật về kế toán.

d) Bộ phận nghiệp vụ: Sử dụng cán bộ, công chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

đ) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Nhiệm kỳ của Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ không quá 05 năm; Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ có thể được bổ nhiệm lại theo quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn:

- a) Hoạt động theo Quy chế hoạt động Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ban hành;
- b) Xây dựng kế hoạch, dự toán thu, chi hàng năm của Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, triển khai thực hiện;
- c) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- d) Thực hiện chế độ kế toán của Quỹ theo quy định pháp luật về kế toán hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính;
- đ) Trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền quy chế làm việc và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ;
- e) Chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát; chịu sự thẩm tra, phê duyệt quyết toán Quỹ của Sở Tài chính và thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật;
- g) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính theo quy định;
- h) Công khai kết quả thu, chi Quỹ theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;
- i) Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn việc thu nộp, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán Quỹ theo quy định;
- k) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm.

Điều 11. Kinh phí hoạt động, quản lý, điều hành Quỹ

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ và Cơ quan quản lý Quỹ được tính vào chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.
2. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ, phòng chống thiên tai.
3. Các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, được hưởng các khoản phụ cấp theo quy định về chế độ hiện hành.

Chương III

NGUỒN TÀI CHÍNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN, GIẢM, TẠM HOÃN ĐÓNG GÓP QUỸ

Điều 12. Nguồn tài chính

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ, phòng chống thiên tai.

Điều 13. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ, phòng chống thiên tai.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ, phòng chống thiên tai.

**Chương IV
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ****Điều 15. Xây dựng kế hoạch thu Quỹ**

1. Thủ trưởng tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thu Quỹ của tổ chức, các cá nhân do mình quản lý theo định mức được quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thu Quỹ và thu của cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xây dựng kế hoạch thu Quỹ của các đối tượng lao động khác trên địa bàn theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, xây dựng kế hoạch thu Quỹ đối với các đối tượng: Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài, người lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

5. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm phối hợp và chỉ đạo Chi cục Thuế cấp huyện, khu vực trong việc hỗ trợ thu quỹ, lập kế hoạch thu Quỹ và cung cấp thông tin tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn; thông tin tại điểm i, điểm k khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP cho cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu Quỹ.

6. Cơ quan Bảo hiểm xã hội có trách nhiệm cung cấp thông tin về số lượng công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp, người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức và người lao động làm việc theo hợp đồng lao động của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn cho cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu tại các cấp.

7. Kế hoạch thu Quỹ của Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội; tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cơ quan đặt trụ sở trước ngày 31 tháng 3 hàng năm để tổng hợp. Ủy ban nhân dân cấp huyện trên cơ sở kế hoạch thu quỹ của cấp xã, các cơ quan, tổ chức gửi về, tổng hợp và xây dựng kế hoạch thu Quỹ của Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 10 tháng 4 hàng năm để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt kế hoạch thu Quỹ phòng, chống thiên tai.

8. Thời hạn lập và phê duyệt kế hoạch thu, nộp Quỹ cấp tỉnh: Trước ngày 15 tháng 5 hàng năm.

Điều 16. Quản lý thu, nộp Quỹ

1. Thủ trưởng tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn có trách nhiệm thu Quỹ của tổ chức, các cá nhân do mình quản lý theo định mức được quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP và nộp vào tài khoản thu quỹ cấp huyện nơi tổ chức kinh tế đặt trụ sở.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP có trách nhiệm thu Quỹ thu của cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động thuộc phạm vi quản lý và nộp vào tài khoản ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xây dựng kế hoạch thu Quỹ của các đối tượng lao động khác trên địa bàn theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP và nộp vào tài khoản ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền. Việc thu bằng tiền mặt phải có chứng từ theo mẫu của Bộ Tài chính.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thu Quỹ của các đối tượng: Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài, người lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

Điều 17. Thời hạn nộp Quỹ

1. Các cá nhân, tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài thực hiện nộp quỹ theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện nộp Quỹ về cơ quan quản lý Quỹ đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 02 lần: Lần 1 trước ngày 15 tháng 8 hàng năm; lần 2 trước ngày 15 tháng 12 hàng năm số tiền thu Quỹ còn lại.

Điều 18. Nội dung chi của Quỹ

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

2. Điều chuyển để hỗ trợ các địa phương khác bị thiệt hại do thiên tai vượt quá khả năng khắc phục của địa phương.

Điều 19. Định mức chi hỗ trợ

1. Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai.

Các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện theo kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sau đó thống kê chi phí thực tế, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét hỗ trợ (trường hợp sử dụng nguồn Quỹ phân bổ cho cấp xã, cấp huyện). Trường hợp sử dụng nguồn Quỹ tỉnh, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh thống kê nhu cầu hỗ trợ của cấp huyện, cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt hỗ trợ.

2. Chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai:

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở của nhân dân bị hư hỏng do thiên tai gồm:

- Hỗ trợ lương thực đối với tất cả thành viên hộ gia đình thiếu đói do thiên tai: Thực hiện theo khoản 1 Điều 12 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Hỗ trợ nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác bị thiệt hại do thiên tai: Thực hiện theo nhu cầu thực tế. Sau đó thống kê chi phí thực tế, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét hỗ trợ (trường hợp sử dụng nguồn Quỹ phân bổ cho cấp xã, cấp huyện).

- Hỗ trợ chi phí cho người bị thương nặng do thiên tai: Thực hiện theo Điều 13 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Hỗ trợ chi phí mai táng cho hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai: Thực hiện theo Điều 14 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Hỗ trợ hộ gia đình có nhà bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai mà không còn nơi ở khác; Hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ lụt, thiên tai; Hộ gia đình bị hư hỏng nặng do thiên tai mà không ở được: Mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.



- Hỗ trợ hộ gia đình có nhà bị tốc mái do thiên tai mức hỗ trợ như sau:

+ Đối với nhà bị tốc mái dưới $20m^2$ mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/hộ.

+ Đối với nhà bị tốc mái từ $20 \div 40m^2$ mức hỗ trợ 2.000.000 đồng/hộ.

+ Đối với nhà bị tốc mái từ trên $40 \div 60m^2$ mức hỗ trợ 3.000.000 đồng/hộ.

+ Đối với nhà bị tốc mái trên $60m^2$ trở lên mức hỗ trợ 4.000.000 đồng/hộ.

- Hỗ trợ hộ gia đình có nhà bị hư hỏng nhẹ, nhà tạm, công trình phụ (mái hiên, tường rào xung quanh nhà, cổng nhà), chuồng trại chăn nuôi bị thiệt hại,... tùy theo tình hình thiệt hại thực tế mà địa phương đề xuất hỗ trợ phù hợp, mức hỗ trợ bằng 50% giá trị sửa chữa nhưng không quá 3.000.000 đồng/hộ.

b) Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở; hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai tối đa không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

Các địa phương, đơn vị quản lý công trình báo cáo Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cùng cấp trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét hỗ trợ sửa chữa theo quy trình, trình tự thủ tục xây dựng cơ bản hiện hành.

c) Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai:

Cơ quan y tế địa phương xây dựng kế hoạch, phương án, dự toán xử lý vệ sinh môi trường, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt và triển khai thực hiện.

d) Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh:

Thực hiện theo Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn văn bản nêu trên (nếu có).

3. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa

a) Hỗ trợ các hoạt động: Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia

hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai; hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng:

Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã, cấp huyện lập kế hoạch, dự toán từ đầu năm trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt (trường hợp sử dụng nguồn Quỹ phân bổ cho cấp xã, cấp huyện). Trường hợp sử dụng nguồn Quỹ tỉnh, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh thống kê nhu cầu hỗ trợ của cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ.

b) Hỗ trợ mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định:

- Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện sử dụng nguồn Quỹ được phân bổ để mua sắm các vật tư, thiết bị, dụng cụ thông thường: Máy cưa, dao, cuốc, xẻng, đèn pin, dây thừng, bao tải, phao cứu sinh,... phục vụ công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn;

- Đối với phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả và tìm kiếm cứu nạn do thiên tai: Các Sở, ngành, địa phương đề xuất nhu cầu mua sắm, trang bị thông qua Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết từng trường hợp cụ thể;

- Việc mua sắm trang bị phương tiện, thiết bị thực hiện theo quy định theo quy trình, trình tự thủ tục về mua sắm tài sản hiện hành.

4. Điều tiết về Quỹ Trung ương, điều chuyển hỗ trợ các địa phương khác

Thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 23 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

Điều 20. Thẩm quyền chi Quỹ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ cấp tỉnh tại Điều 18 Quy chế này theo đề nghị của Cơ quan quản lý Quỹ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, xã quyết định nội dung chi và mức chi thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai ngoài các nội dung chi tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 cho các đối tượng theo đề nghị của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cùng cấp.

3. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức liên quan; tổ chức kiểm tra, rà soát và đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

4. Thực hiện điều chuyển cho Quỹ trung ương theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc cho các Quỹ cấp tỉnh của địa phương khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 21. Thanh, quyết toán kinh phí: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở của nhân dân bị hư hỏng do thiên tai; xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai; hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai; hỗ trợ hoạt động phòng ngừa; chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ.

1. Hồ sơ thanh quyết toán phải có đầy đủ chứng từ hóa đơn theo quy định gồm: Công văn đề nghị quyết toán; Quyết định hỗ trợ, huy động, điều động, trưng dụng lực lượng, phương tiện, vật tư trang thiết bị của cấp có thẩm quyền; danh sách ký nhận của các đối tượng thụ hưởng hỗ trợ; bảng kê xác định số lượng, lực lượng tham gia, thời gian thực tế tham gia; dự toán chi tiết kinh phí được duyệt; các thủ tục khác theo quy định của Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc thanh toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó thiên tai, thảm họa; văn bản sửa đổi, bổ sung văn bản nêu trên (nếu có) và các quy định hiện hành.

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm quyết toán nguồn quỹ phân bổ cho cấp huyện và cấp xã, tổng hợp báo cáo quyết toán cho Cơ quan quản lý Quỹ, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thời hạn thanh quyết toán kinh phí

Các danh mục công việc đã hoàn thành phải thực hiện thanh quyết toán ngay trong năm được cấp kinh phí. Các công việc chưa kịp hoàn thành trong năm do nguyên nhân khách quan, Ủy ban nhân dân cấp dưới đề nghị Ủy ban nhân dân cấp trên cho phép chuyển sang năm sau để tiếp tục thực hiện.

Điều 22. Báo cáo, phê duyệt quyết toán

1. Các cơ quan, đơn vị tiếp nhận kinh phí hỗ trợ từ Quỹ phòng, chống thiên tai chịu trách nhiệm quyết toán với Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán kết quả thu, chi Quỹ trên địa bàn (bao gồm cả chi phí hỗ trợ thù lao cho lực lượng trực tiếp thu quỹ, chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ), gửi báo cáo về Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện trước ngày 15 tháng 02 năm sau để thẩm tra.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm tra báo cáo quyết toán thu, chi của cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và lập báo cáo kết quả thu, chi Quỹ trên địa bàn cấp huyện;

4. Cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm báo cáo quyết toán trước ngày 15 tháng 3 hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Cơ quan quản lý Quỹ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thu, chi Quỹ với Quỹ trung ương theo quy định hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 23. Thanh tra, kiểm toán, kiểm tra, giám sát hoạt động Quỹ

1. Quỹ phòng, chống thiên tai chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước theo quy định.

a) Thanh tra nhà nước tỉnh có trách nhiệm tổ chức thanh tra Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các phòng, ban có liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng Quỹ phòng chống thiên tai trên địa bàn.

2. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh chủ trì, phối hợp cùng các Sở ngành, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra công tác thu, quản lý, sử dụng quỹ tại các địa phương.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức Hội có liên quan đến Quỹ được quyền yêu cầu cung cấp thông tin về Quỹ và thực hiện quyền giám sát thông qua các ý kiến, đề xuất, phản biện.

Điều 24. Công khai nguồn thu, chi Quỹ

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Trách nhiệm của các Sở, ngành cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Các Sở, ngành có liên quan có trách nhiệm cử cán bộ, công chức có đầy đủ năng lực tham gia thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Cơ quan quản lý Quỹ.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm.

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan có trách nhiệm hướng dẫn triển khai thực hiện Quy chế này; hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện Quỹ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Phối hợp với các Sở, ngành và địa phương có liên quan kiểm tra, rà soát và tham mưu đề xuất hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh

kịp thời, đúng đối tượng, định mức quy định. Trường hợp Quỹ phòng chống thiên tai thiếu không đủ chi, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định sử dụng Quỹ dự phòng ngân sách các cấp để chi cho công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai;

c) Hướng dẫn các địa phương có ảnh hưởng thiên tai thực hiện đúng cơ chế, mức hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tổ chức thực hiện việc thu, nộp, sử dụng Quỹ và công khai Quỹ theo quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Thực hiện tốt công tác khắc phục hậu quả thiên tai; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thăm hỏi, động viên hỗ trợ, giúp đỡ các hộ gia đình bị thiệt hại do thiên tai sớm ổn định cuộc sống, sinh hoạt và sản xuất;

c) Thực hiện việc thống kê, kiểm kê, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất và hỗ trợ đảm bảo kịp thời, đúng quy định;

d) Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát, lãng phí và xảy ra tiêu cực; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các phòng, ban, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công khai chính sách hỗ trợ của nhà nước theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

đ) Kết thúc đợt thiên tai, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện hỗ trợ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện Quỹ báo cáo Cơ quan quản lý Quỹ, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tổ chức thực hiện việc thu, nộp, sử dụng Quỹ và công khai Quỹ theo quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Thực hiện tốt công tác hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thăm hỏi, động viên hỗ trợ, giúp đỡ các hộ gia đình bị thiệt hại do thiên tai sớm ổn định cuộc sống, sinh hoạt và sản xuất;

c) Thống kê, kiểm kê, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất và hỗ trợ báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Thực hiện công khai chính sách hỗ trợ của nhà nước: danh sách đối tượng hỗ trợ; mức hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do thiên tai trước và sau khi có quyết định hỗ trợ của cấp có thẩm quyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và tại các ấp, khu phố, tổ dân phố theo quy định Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày



d) Thực hiện công khai chính sách hỗ trợ của nhà nước: danh sách đối tượng hỗ trợ; mức hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do thiên tai trước và sau khi có quyết định hỗ trợ của cấp có thẩm quyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và tại các ấp, khu phố, tổ dân phố theo quy định Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

đ) Hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện thu, chi Quỹ báo cáo Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 26. Nghĩa vụ của Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài và cá nhân có nghĩa vụ đóng góp Quỹ

Các tổ chức kinh tế trong nước, nước ngoài và cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai có nghĩa vụ đóng góp Quỹ theo quy định.

Điều 27. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng, quản lý và đóng góp Quỹ được khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm về đóng góp Quỹ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người được giao nhiệm vụ thu, nộp, quản lý và sử dụng Quỹ mà vi phạm các quy định trên thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật./.